

Tình hình thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật tại Bộ Tài chính - Một số khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật¹

Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định xây dựng, hoàn thiện thể chế là một trong ba đột phá chiến lược, tạo cơ sở pháp lý, môi trường an toàn, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, trong thời gian qua, Quốc hội đã thông qua Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Chính phủ đã ban hành Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP). Qua đó, công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế pháp luật đã đạt được những kết quả tích cực, siết chặt kỷ cương, kỷ luật, tạo chuyển biến trong việc nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật, cơ bản đáp ứng được các tiêu chí về tính đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai và minh bạch. Bên cạnh những kết quả tích cực, công tác xây dựng và hoàn thiện thể chế thời gian qua cũng đã bộc lộ nhiều vướng mắc nhất định trong khi nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện thể chế pháp luật trong giai đoạn tới là hết sức nặng nề, với yêu cầu ngày càng cao để thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng tại Đại hội XIII, đòi phải có đổi mới mạnh mẽ về quy trình, thủ tục cũng như tư duy trong xây dựng, hoàn thiện thể chế để có những bước đột phá chiến lược.

Trong phạm vi tham luận này, có thể khái quát tình hình thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) tại Bộ Tài chính cũng như nêu bật một số khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, qua đó góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, đáp ứng yêu cầu thực tiễn cũng như các chỉ đạo của Đảng, Nhà nước.

1. Về việc tổ chức triển khai thực hiện Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) tại Bộ Tài chính

1.1. ban hành các văn bản để triển khai thi hành Luật Ban hành VBQPPL và Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật

- Chỉ thị số 02-CT/BCSD ngày 28/07/2022 của Ban cán sự Đảng Bộ Tài chính về đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế pháp luật tài chính trong tình hình mới.

- Quyết định số 72/QĐ-BTC ngày 20/01/2022 của Bộ Tài chính về quy chế xây dựng, ban hành văn bản QPPL, hoàn thiện hệ thống pháp luật tài chính (thay thế Quyết định số 1480/QĐ-BTC và Quyết định số 239/QĐ-BTC).

¹ Tham luận của Bộ Tài chính.

- Quyết định số 239/QĐ-BTC ngày 26/2/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, ban hành văn bản QPPL, hoàn thiện hệ thống pháp luật tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 1480/QĐ-BTC ngày 29/6/2016 của Bộ Tài chính.

- Quyết định số 1480/QĐ-BTC ngày 29/6/2016 của Bộ Tài chính về quy chế xây dựng, ban hành văn bản QPPL, hoàn thiện hệ thống pháp luật tài chính.

- Chỉ thị số 01/CT-BTC ngày 17/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác pháp chế của Bộ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ.

Căn cứ vào các chỉ đạo của Ban cán sự Đảng, của Bộ, các đơn vị thuộc Bộ cũng đã ban hành các văn bản theo thẩm quyền để tổ chức triển khai trong đơn vị mình như Tổng cục Hải quan đã ban hành Quyết định số 1945/QĐ-TCHQ ngày 31/8/2022 về Quy chế xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về hải quan; xây dựng ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ trong lĩnh vực hải quan; Tổng cục Thuế đã ban hành Quyết định số 1033/QĐ-TCT ngày 01/6/2018 về Quy chế cấp ý kiến pháp lý dự thảo đề nghị xây dựng văn bản QPPL, dự thảo văn bản QPPL và thẩm định dự thảo văn bản hành chính do cơ quan thuế các cấp ban hành; Kho bạc Nhà nước đã ban hành Quyết định số 5848/QĐ-KBNN ngày 15/11/2022 về Quy trình xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính, văn bản do Kho bạc Nhà nước ban hành theo thẩm quyền và hoàn thiện hệ thống pháp luật tài chính,...

1.2. Về công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn Luật Ban hành văn bản QPPL, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP

Bộ Tài chính đã tổ chức 01 hội nghị quán triệt, phổ biến Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành; 01 hội nghị quán triệt, phổ biến Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trên cơ sở đó, các đơn vị thuộc Bộ cũng đã tổ chức các Hội nghị để phổ biến, tuyên truyền Luật Ban hành văn bản QPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành đến toàn thể cán bộ, công chức trong cơ quan, đơn vị.

Đồng thời, đã tiến hành đăng tải Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính và Cổng thông tin điện tử của các đơn vị thuộc Bộ. Tại các đơn vị thuộc Bộ, đã tiến hành phổ biến nội dung của Luật Ban hành văn bản QPPL và các Nghị định nêu trên đến các cán bộ, công chức dưới nhiều hình thức khác nhau phù hợp với đặc thù của đơn vị như tổ chức tập huấn chuyên sâu, in, sao, chụp tài liệu...

2. Về tình hình, kết quả ban hành văn bản QPPL

Từ năm 2016 đến nay (tính đến ngày 30/8/2023), Bộ Tài chính đã chủ trì soạn thảo trình Chính phủ trình Quốc hội thông qua **08 Luật** và **29 Nghị quyết** của Quốc hội về các giải pháp, chính sách tài chính; trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua **18 Nghị quyết** của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trình Chính phủ ban hành **236 nghị định**; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành **58 quyết định** và ban hành theo thẩm quyền **1026 thông tư**, trong đó có các thông tư quy định nội dung, mức chi cho các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật như sau:

- Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản QPPL và hoàn thiện hệ thống pháp luật (*thay thế Thông tư liên tịch số 92/2014/TTLT-BTC-BTP-VPCP*) và Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016.

- Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08/2/2023 quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (*thay thế cho Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP*).

- Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở (*thay thế Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP*).

(Theo đó, đã tăng định mức chi và đã bổ sung các nội chi cho công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế pháp luật cao hơn so với giai đoạn trước (trung bình tăng 1,5-2 lần).

Nhìn chung, dù số lượng văn bản quy phạm pháp luật mà Bộ Tài chính được giao chủ trì soạn thảo là rất lớn, nhiều nội dung phức tạp nhưng với tinh thần chủ động, đổi mới, sáng tạo cùng những định hướng và giải pháp đồng bộ đã giúp công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế tài chính cơ bản đáp ứng được yêu cầu về tiến độ, đảm bảo chất lượng, thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực tài chính – ngân sách nhà nước; bám sát yêu cầu của thực tiễn, kịp thời đề xuất ban hành các văn bản pháp luật tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân, kiểm soát áp lực tăng giá cả, lạm phát, góp phần hỗ trợ tích cực cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, ứng phó linh hoạt với các thách thức do tình hình dịch Covid-19, thiên tai, biến đổi khí hậu và những tác động không thuận của kinh tế thế giới...

3. Một số đề xuất, kiến nghị

3.1. Đề xuất, kiến nghị đối với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật:

(1) Tại khoản 1 Điều 6 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các tổ chức thành viên khác của Mặt trận và các cơ quan, tổ chức khác, cá nhân có quyền và được tạo điều kiện góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật”.

Tại khoản 4 Điều 10 Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “4. Gửi hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương đến Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đến Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam để lấy ý kiến”.

Theo các quy định nêu trên thì chưa rõ ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là ý kiến tham gia hay ý kiến phản biện. Vì vậy, đề nghị Bộ Tư pháp làm rõ ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là ý kiến tham gia hay ý kiến phản biện. Trong thời gian qua, Bộ Tài chính trong quá trình soạn thảo một số thông tư quy định thu phí, lệ phí có lấy ý kiến của Ủy Ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Tuy nhiên, không rõ là ý kiến tham gia hay ý kiến phản biện. Đối với văn bản quy phạm pháp luật là Thông tư, đề nghị quy định rõ xin ý kiến tham gia của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thay vì ý kiến phản biện.

Mặt khác, trong thực tế hiện nay nhiều văn bản QPPL không trực tiếp liên quan đến người dân, doanh nghiệp nhưng theo quy định hiện hành vẫn phải tiến hành gửi xin ý kiến của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Vì vậy, đề nghị cần phải có quy định về nguyên tắc trong những trường hợp nào mới cần thiết phải xin ý kiến của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để đảm bảo phù hợp với phạm vi, đối tượng điều chỉnh của văn bản QPPL.

(2) Tại khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Quốc hội ban hành nghị quyết để quy định: “a) Tỷ lệ phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; b) Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành; c) Tạm ngưng hoặc kéo dài thời hạn áp dụng toàn bộ hoặc một phần luật, nghị quyết của Quốc hội đáp ứng các yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân;”. Tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định các trường hợp lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật gồm: “2. Nghị quyết của Quốc hội quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 15 của Luật; nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 của Luật”.

Tại khoản 1 Điều 146 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo

trình tự, thủ tục rút gọn như sau: “1. Trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp; trường hợp đột xuất, khẩn cấp trong phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn”.

Căn cứ quy định trên, đối với trường hợp Nghị quyết của Quốc hội (quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 15 của Luật) nhưng được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại khoản 1 Điều 146 của Luật thì đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, bổ sung quy định loại trừ các trường hợp này ra khỏi các trường hợp phải lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định 34/2016/NĐ-CP vì các trường hợp này đều là các trường hợp khẩn cấp, cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn.

(3) Theo quy định tại Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Chính phủ ban hành Nghị định để quy định trong 03 trường hợp: (i) Nghị định quy định chi tiết; (ii) Nghị định quy định các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành luật; (iii) Nghị định quy định các vấn đề cần thiết thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật hoặc pháp lệnh để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội (Nghị định không đầu).

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện còn có vướng mắc trong việc áp dụng, thực hiện quy định tại Điều 19 Luật Ban hành văn bản QPPL. Vì vậy, để có căn cứ triển khai thực hiện, đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền sửa đổi Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP theo hướng bổ sung quy định hướng dẫn cụ thể Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật nêu trên để phân biệt giữa Nghị định quy định “*chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong luật*” (khoản 1 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) với Nghị định quy định “*các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành luật*” (khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) và làm rõ quy định về “*điều kiện để xây dựng thành luật hoặc pháp lệnh*” tại khoản 3 Điều 19 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

(4) Tại điểm c khoản 1 Điều 36, khoản 3 Điều 55, khoản 3 Điều 57, khoản 3 Điều 86, điểm c khoản 2 Điều 90, khoản 2 Điều 119 Luật Ban hành văn bản QPPL, khoản 6 Điều 10 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã quy định nhiệm vụ của cơ quan chủ trì soạn thảo phải đăng tải báo cáo giải trình, tiếp thu và dự thảo văn bản đã được chỉnh lý trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ trì soạn thảo.

Tuy nhiên, tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP lại chưa có hướng dẫn cụ thể về thời điểm và thời gian đăng tải các báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến và dự thảo văn bản đã được chỉnh lý. Vì vậy, đề nghị Bộ Tư pháp rà soát, nghiên cứu để bổ sung quy định cụ thể về thời điểm và thời gian đăng tải các báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến và dự thảo văn bản đã được

chính lý để các cơ quan chủ trì soạn thảo có căn cứ triển khai thực hiện nội dung này.

(5) Tại khoản 1, khoản 4 Điều 54 Luật Ban hành văn bản QPPL đã quy định Ban soạn thảo có trách nhiệm tổ chức việc soạn thảo và chịu trách nhiệm về chất lượng, tiến độ soạn thảo dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết trước cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo. Thành viên Ban soạn thảo có nhiệm vụ tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban soạn thảo, chịu trách nhiệm về chất lượng, tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất, tính khả thi của các nội dung được phân công trong dự thảo văn bản và tiến độ xây dựng dự thảo văn bản. Tại Điều 26 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã quy định về thành lập và hoạt động của Ban soạn thảo.

Tuy nhiên, tại Luật Ban hành văn bản QPPL và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP lại chưa có quy định cụ thể về phân định rõ trách nhiệm của Ban soạn thảo với đơn vị được Bộ, ngành giao nhiệm vụ chủ trì soạn thảo văn bản QPPL nên dẫn đến lúng túng, chưa thống nhất trong triển khai thực hiện. Vì vậy, đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, bổ sung quy định trách nhiệm của đơn vị thuộc Bộ, ngành được giao chủ trì soạn thảo các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập và quy định về trách nhiệm của Ban soạn thảo, Tổ biên tập, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại từng bước, từng khâu để các Bộ, ngành, địa phương thuận lợi trong việc thực hiện; đồng thời, đề nghị bổ sung quy định về thời điểm phải thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập (ở khâu nào của quy trình soạn thảo văn bản) và cách thức làm việc, phân công nhiệm vụ của Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập, quy trình/hình thức quyết định việc tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia (Ban Soạn thảo/Tổ Biên tập biểu quyết thông qua hay cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định).

- Ngoài ra, tại điểm b khoản 1 Điều 90 Luật Ban hành văn bản QPPL và tại điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã quy định “trong trường hợp cần thiết, Bộ, cơ quan ngang Bộ có thể thành lập Ban soạn thảo”. Tuy nhiên, tại các văn bản này lại chưa nêu rõ trường hợp cần thiết là trường hợp nào để cụ thể khi thực hiện, tránh vướng mắc phát sinh. Vì vậy, để đảm bảo rõ ràng, minh bạch trong quá trình triển khai thực hiện, đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, quy định rõ các tiêu chí xác định “trường hợp cần thiết” là trường hợp nào.

(6) Tại điểm đ khoản 2 Điều 92 Luật Ban hành văn bản QPPL đã quy định hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định bao gồm: “*Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với nghị định quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 19 của Luật này...*”.

Tuy nhiên, Nghị định quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Ban hành văn bản QPPL là Nghị định quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao tại Luật, các chính sách đã được đánh giá và quy định tại Luật. Vì vậy, đề nghị nghiên

cứu để làm rõ có cần thiết phải xây dựng báo cáo đánh giá tác động đối với Nghị định quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Ban hành văn bản QPPL hay không để tránh việc một chính sách phải xây dựng báo cáo đánh giá tác động nhiều lần tại nhiều khâu.

3.2. Đề xuất, kiến nghị đối với Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP:

(1) Tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) đã quy định các trường hợp lập đề nghị xây dựng văn bản QPPL như sau: “*Nghị định của Chính phủ quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật*”. Theo đó, đã bỏ trường hợp Nghị định của Chính phủ quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Ban hành văn bản QPPL phải lập đề nghị xây dựng Nghị định.

Tuy nhiên, tại khoản 1, khoản 2 Điều 84 Luật Ban hành văn bản QPPL (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) đã quy định về đề nghị xây dựng Nghị định như sau: “1. Đề nghị xây dựng nghị định được áp dụng đối với việc xây dựng, ban hành nghị định quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 của Luật này. 2. Bộ, cơ quan ngang bộ tự mình hoặc theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chuẩn bị đề nghị xây dựng nghị định thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách trình Chính phủ xem xét, thông qua đề nghị xây dựng nghị định quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật này hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đề nghị xây dựng nghị định quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật này.”

Theo đó, đề nghị Bộ Tư pháp xem lại quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) để nghiên cứu, sửa đổi cho phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

(2) Tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định tác động của chính sách được đánh giá theo 05 vấn đề gồm: kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính, hệ thống pháp luật. Việc đánh giá tác động của chính sách theo 05 nhóm vấn đề trên là nội dung quan trọng nhất của báo cáo đánh giá tác động của chính sách.

Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về các tiêu chí chi tiết để đánh giá đối với các nội dung đánh giá về kinh tế, xã hội, giới, hệ thống pháp luật (trừ việc đánh giá thủ tục hành chính đã được quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP và Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/2/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật). Bên cạnh đó, còn có sự trùng lặp về nội hàm của các nội dung cần đánh giá như giữa đánh giá về thủ tục hành chính với đánh giá về nội dung kinh tế; đánh giá nội dung về giới với đánh giá về xã hội, kinh tế. Do đó, trong thực tế triển khai thực hiện còn gặp khó khăn trong việc đánh giá tác động của chính sách về kinh tế, xã hội, giới, hệ

thống pháp luật. Vì vậy, đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, đánh giá và có hướng dẫn cụ thể về vấn đề nêu trên.

(3) Qua rà soát, nghiên cứu, tổng kết đánh giá việc thực hiện Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP thì thấy rằng một trong những vướng mắc trong công tác soạn thảo văn bản QPPL, nhất là soạn thảo các văn bản luật, nghị quyết của quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ là hiện nay tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP không có quy định cụ thể về thể thức ký, đóng dấu các tài liệu trong hồ sơ xây dựng văn bản QPPL trình cấp có thẩm quyền nên dẫn đến việc thực hiện không thống nhất trong thực tế. Để góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc này và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng văn bản QPPL, Bộ Tư pháp đã ký công văn số 1653/BTP-VĐCXDPL ngày 16/5/2018 đề hướng dẫn các Bộ, ngành về thể thức ký, đóng dấu các tài liệu trong hồ sơ xây dựng văn bản QPPL trình cấp có thẩm quyền.

Tuy nhiên, đây chỉ là giải pháp tình thế trong lúc chưa sửa Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Mặt khác, hiện nay toàn bộ hồ sơ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trình cấp có thẩm quyền, hồ sơ gửi thẩm định đều được gửi qua e-cabinet đến nơi nhận nên việc ký, lấy số, đóng dấu trên hệ thống gửi qua e-cabinet dễ xảy ra tình trạng nhầm lẫn giữa bản trình chính thức với bản trong hồ sơ thẩm định (ví dụ: Tờ trình Chính phủ chính thức và dự thảo Tờ trình Chính phủ gửi thẩm định). Vì vậy, đề nghị Bộ Tư pháp rà soát, nghiên cứu để bổ sung các quy định này nhằm khắc phục các khó khăn, vướng mắc như đã nêu ở trên, trong đó đề nghị nghiên cứu, hướng dẫn về thẩm quyền ký duyệt tài liệu ở các bước trong quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và trong hồ sơ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật².

(4) Tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP đều có quy định nhưng chưa có quy định chi tiết về mẫu, cách thức xây dựng Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo văn bản dẫn đến khó khăn trong việc thực hiện báo cáo này. Vì vậy, đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu bổ sung quy định cụ thể về vấn đề này./.

² Ví dụ: Thẩm quyền ký văn bản lấy ý kiến và các tài liệu được gửi lấy ý kiến do Trưởng Ban Soạn thảo hay Lãnh đạo đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật/Lãnh đạo Bộ, ngành ký duyệt?; Thẩm quyền ký văn bản trình cấp có thẩm quyền xem xét cho ý kiến chỉ đạo do Trưởng Ban Soạn thảo hay Lãnh đạo đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản QPPL/Lãnh đạo Bộ, ngành ký duyệt?